

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàyTháng....năm 2019

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO ĐIỂM THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH MÃ NGÀNH (7810103)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTUT
1	08005180	THẢO THỊ GI	02/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
2	06003431	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	07/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
3	16005559	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	19/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
4	07001089	ĐƯƠNG QUỲNH ANH	08/10/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
5	30005303	NGUYỄN LÊ NA	26/08/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
6	62003277	SỈ THỊ MAI	03/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
7	16001971	NGUYỄN LINH TRANG	28/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
8	28027944	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	17/02/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
9	34009401	NGUYỄN THỊ XUÂN CÚC	05/10/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
10	06002779	MÔNG THỊ DUYÊN	04/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
11	16010334	NGUYỄN THU HOÀI	29/01/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
12	05004849	TRÁNG THỊ HẠNH	26/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
13	15006632	ĐINH THỊ THU NGÂN	05/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
14	16010027	NGUYỄN KHÁNH LINH	07/10/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
15	24007717	NGUYỄN THỊ HOÀI	28/11/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
16	28005588	SUNG THỊ NÚ	26/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
17	40011925	TRẦN THỊ MINH LAM	30/06/2001	NỮ	3	C00	0.75	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVT	Điểm ĐT
18	05004280	HOÀNG THỊ NGÃI	06/07/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
19	07001246	GIÀNG MÌ SƠ	25/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
20	15008901	HÀ THỊ OANH	05/09/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
21	18002762	TẠ THỊ NGỌC LÝ	19/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
22	62003164	GIÀNG THỊ DÍ	10/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
23	01001950	TRƯỜNG NHẬT MINH	12/10/2001	NỮ	3	C00	0.00	0
24	01011206	VŨ TRƯỜNG THÀNH	22/12/2000	NAM	1	C00	0.00	0
25	14000919	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	19/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
26	27008151	NGUYỄN THỊ NGÂN	22/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
27	33009590	LÊ THỊ HỒNG YẾN	02/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
28	25014767	PHẠM THỊ DIỆU	13/07/2001	NỮ	5	D01	0.50	0
29	06003837	NÔNG THỊ PHƯỢNG	01/01/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
30	14008117	LÒ THỊ HÀ	24/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
31	16009995	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	02/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
32	62003571	LÒ THỊ HẠNH	22/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
33	38005980	RCOM H' NHU	04/03/2001	NỮ	1	A00	0.75	2
34	01003585	HOÀNG DIỄM LINH	08/06/2001	NỮ	2	A00	0.00	0
35	06003915	LÔ THỊ MAI THÙY	10/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
36	07000741	LÙ HOÀI THƯƠNG	02/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
37	21002259	ĐÀO THỊ HƯƠNG	18/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
38	25009775	NGUYỄN HUY HOÀNG	02/06/2001	NAM	10	C00	0.50	0
39	28024633	NGUYỄN THỊ THỦY	04/02/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
40	38001925	ĐỖ THỊ TỔ UYÊN	08/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
41	01000827	ĐÀO HỒNG HÀ	04/05/2001	NỮ	6	D01	0.00	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVT	Điểm ĐT
42	14000797	KHÚC HOÀNG HIỆP	23/06/2001	NAM	1	C00	0.75	0
43	10007485	VŨ HẢI ANH	19/12/2001	NỮ	5	D01	0.75	0
44	05002662	BÙI THỊ THÚY HẬU	08/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
45	07001635	TẦN XOANG MÂY	03/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
46	28007921	LÊ THỊ LINH	26/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
47	48014376	LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG	07/05/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
48	62003052	NGUYỄN THỊ TRANG	30/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
49	62004739	QUẢNG VĂN TÙNG	07/07/2001	NAM	2	C00	0.75	2
50	01045356	LƯỠNG THỊ DUNG	28/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
51	06002161	HOÀNG HƯƠNG LAN	21/04/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
52	06003773	NGUYỄN THẢO MY	16/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
53	08005574	NGUYỄN THU HUYỀN	29/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
54	27004402	BÙI MINH THU	13/08/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
55	01026824	NGUYỄN LÊ TRIỆU VY	10/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
56	01040514	ĐỖ THỊ HƯƠNG LAN	23/06/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
57	62004740	SINH A TÙNG	20/01/2001	NAM	2	C00	0.75	2
58	01027836	VŨ THỊ TRANG	31/10/2000	NỮ	6	D01	0.25	0
59	01060081	PHAN THÚY HỒNG	08/09/2001	NỮ	6	C00	0.25	0
60	01074391	ĐÀO BÍCH NGỌC	27/05/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
61	10002156	BÙI HỮU QUANG	24/09/2001	NAM	3	C00	0.75	0
62	15011979	PHẠM THANH THANH	12/10/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
63	22000280	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	22/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
64	62004552	MÀO VĂN HOÀNG	05/12/1999	NAM	2	C00	0.75	2
65	03001268	LƯU THỊ THU LỆ	30/07/2001	NỮ	1	D01	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
66	01020985	BÙI THẾ AN	24/12/2001	NAM	2	A00	0.00	0
67	01040300	SÙNG THỊ DỪNG	22/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
68	01063639	ĐỖ THỊ HỒNG QUYÊN	17/10/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
69	01063730	NGUYỄN THỊ TRANG	30/09/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
70	06003954	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	14/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
71	08006215	TRẦN THUY LINH TRANG	25/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
72	30003785	TRẦN THỊ PHƯƠNG	23/02/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
73	05000360	NGUYỄN LÊ THẮNG	27/11/2001	NAM	9	D01	0.75	0
74	01002062	NGUYỄN MINH NGỌC	17/09/2001	NỮ	3	C00	0.00	0
75	22000518	NGUYỄN THỊ THU TRANG	28/06/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
76	27001014	ĐINH THỊ THÚY HẰNG	23/09/2001	NỮ	3	A00	0.75	0
77	28022187	TRỊNH HỒNG KHANH	01/04/2001	NỮ	4	C00	0.50	2
78	01000607	VƯƠNG MINH ANH	26/02/2001	NỮ	5	D01	0.00	0
79	08005466	HOÀNG THỊ DUYÊN	17/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
80	14000122	TRẦN THỊ HÀ GIANG	23/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
81	14000420	CÀM HỒNG NHUNG	02/11/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
82	15004004	LƯƠNG THỊ MỸ HOA	28/10/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
83	27006855	NGUYỄN THỊ VÂN	01/10/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
84	29001242	NGUYỄN THỊ HOÀI	24/12/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
85	40003582	TRẦN THỊ ANH THU	16/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
86	42007758	PHẠM NGỌC HÀ	31/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
87	01035865	PHẠM THỊ THU LINH	13/09/2001	NỮ	2	D01	0.25	0
88	08004391	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	29/04/2001	NỮ	6	D01	0.75	0
89	01007408	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG CHI	16/09/2001	NỮ	3	C00	0.00	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVT	Điểm ĐT
90	08000254	PHẠM THỊ LUYỆN	25/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
91	10002646	HOÀNG THỊ BÊ	04/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
92	11001042	NGUYỄN TRÂM ANH	20/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
93	19002299	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	13/10/2000	NỮ	2	C00	0.25	0
94	21014034	LÊ NGỌC ANH	15/11/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
95	25016621	ĐỖ VIỆT TRINH	16/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
96	62005107	NÙNG THỊ LIÊN	28/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
97	01001215	ĐẶNG QUANG HUY	05/02/2001	NAM	4	D01	0.00	0
98	01002448	LÊ NGUYỄN HÀ VÂN	30/12/2001	NỮ	6	C00	0.00	0
99	01071229	NGUYỄN THỊ HOÀI	02/11/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
100	03005823	LÊ THỊ QUỲNH ANH	15/11/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
101	13000471	BÙI THẢO LINH	07/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
102	17001344	NGUYỄN NGỌC MINH	19/09/2000	NỮ	2	C00	0.75	0
103	21014693	NGUYỄN THỊ BÍCH	18/12/2001	NỮ	5	C00	0.50	0
104	28004790	NGUYỄN THỊ VÂN	29/07/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
105	34000417	NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU	15/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
106	39009356	MÔNG THỊ TUYẾT NHƯ	16/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
107	08005070	HOÀNG THỊ THANH TUYỀN	27/01/2001	NỮ	5	A00	0.75	0
108	17010648	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	04/11/2001	NỮ	4	A00	0.50	0
109	17012346	NGUYỄN NGỌC MAI	19/03/2001	NỮ	5	D01	0.75	0
110	29009050	LÀU Y XU	20/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
111	01001591	CHU HỒNG QUÂN	28/01/2001	NAM	6	C00	0.00	0
112	01002151	TRỊNH UYÊN NHI	02/02/2001	NỮ	5	C00	0.00	0
113	01060950	NGUYỄN THANH THỦY	11/12/2001	NỮ	1	C00	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
114	28003725	NGUYỄN NGỌC NHẤT	09/11/2000	NAM	3	C00	0.25	0
115	28024148	VŨ THỊ TUYẾT TRINH	02/08/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
116	29016245	NGUYỄN THỊ HẬU	20/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
117	01004593	HỒ THANH THỦY	21/04/1997	NỮ	2	C00	0.00	0
118	10003308	NGUYỄN THỊ THẢO MY	23/05/2000	NỮ	3	C00	0.75	0
119	14009768	LÒ THỊ NGÀ	08/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
120	18002920	NGUYỄN THỊ TÌNH	01/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
121	28022350	NGUYỄN THỊ THANH	31/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
122	01008523	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	07/03/2001	NAM	13	D01	0.25	0
123	07001273	ĐỖ LAN ANH	20/10/2001	NỮ	3	D01	0.75	0
124	01000811	PHẠM HỒNG GIANG	13/11/2001	NỮ	4	C00	0.00	0
125	07003131	ĐINH THỊ MỪNG	29/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
126	09001191	PHÚC HÀ HỒNG NGỌC	28/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
127	10003720	NÔNG PHƯƠNG LOAN	07/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
128	28003646	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	10/10/2001	NỮ	5	C00	0.25	0
129	01046324	NÔNG THỊ DIỆU THU	09/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
130	06002224	PHẠM THỊ DUY PHƯƠNG	02/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
131	15001257	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	13/04/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
132	38007376	VŨ THỊ LOAN	20/12/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
133	40010298	HOÀNG THANH TRÂM	10/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
134	18013787	ĐỖ THỊ LAN ANH	19/12/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
135	01048534	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	25/06/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
136	14009006	MÙI THỊ MÂY	13/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
137	22007535	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	06/06/2001	NỮ	2	C00	0.50	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
138	25016221	LÊ THỊ HẰNG	17/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
139	27007818	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	30/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
140	01005428	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	29/12/2001	NỮ	10	C00	0.00	0
141	01047912	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	18/05/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
142	14009104	NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH	21/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
143	24008163	CHU THỊ PHƯƠNG LAN	09/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
144	26013228	TRẦN PHƯƠNG ANH	14/09/2001	NỮ	5	C00	0.50	0
145	14000903	ĐỖ NHƯ NGỌC	09/09/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
146	01008494	NGUYỄN THANH HOA	05/04/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
147	62001898	QUẢNG VĂN DƯƠNG	20/09/2000	NAM	3	C00	0.75	2
148	03001487	LÊ THỊ THANH	06/12/2001	NỮ	2	D01	0.25	0
149	06003722	NÔNG THỊ THÙY LINH	04/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
150	10002030	TÔ THỊ DIỆU LINH	24/03/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
151	14008126	QUẢNG THỊ HẰNG	20/07/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
152	17004730	PHẠM THỊ THÙY DUNG	14/02/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
153	05002031	SÈN HUYỀN TRANG	29/03/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
154	13006032	TRẦN LAM TRƯỜNG	05/12/2001	NAM	1	C00	0.75	0
155	28007410	LÊ THỊ DUNG	05/04/2001	NỮ	3	C00	0.75	2

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

TS. Trần Quang Tiến

